

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		609,440,815,628	362,970,994,360
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34,082,196,882	22,571,386,257
Tiền	111		28,582,196,882	22,571,386,257
Các khoản tương đương tiền	112		5,500,000,000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98,981,176,633	73,964,901,407
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	82,269,577,129	58,891,420,601
Trả trước cho người bán	132	5.3	10,997,968,789	14,260,922,491
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5,000,000,000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1,727,003,941	1,478,164,382
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1,017,289,495)	(665,606,067)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3,916,269	-
Hàng tồn kho	140	5.6	450,497,715,868	253,096,260,928
Hàng tồn kho	141		450,797,715,868	253,096,260,928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(300,000,000)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		25,879,726,245	13,338,445,768
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	1,307,340,763	831,975,180
Thuế GTGT được khấu trừ	152		23,951,406,466	11,910,946,721
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	620,979,016	595,523,867
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178,913,903,192	78,748,500,788
Các khoản phải thu dài hạn	210		22,000,000	8,000,000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		22,000,000	8,000,000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		110,474,949,568	72,845,946,386
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	98,828,532,768	61,197,579,586
Nguyên giá	222		145,248,759,412	96,045,346,175
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46,420,226,644)	(34,847,766,589)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	11,646,416,800	11,648,366,800
Nguyên giá	228		12,273,516,280	12,273,516,280
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(627,099,480)	(625,149,480)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		68,416,953,624	5,894,554,402
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	4,678,361,432	4,725,633,494
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.11	63,738,592,192	1,168,920,908
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		788,354,718,820	441,719,495,148

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		497,463,484,181	311,234,247,785
Nợ ngắn hạn	310		496,752,788,388	310,523,551,992
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	113,324,936,903	126,112,879,055
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	45,861,912,620	20,535,877,780
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5,903,092,461	4,249,563,012
Phải trả người lao động	314		3,672,502,234	6,740,352,866
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	708,045,818	3,794,421,323
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2,360,542,544	1,895,365,742
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	324,908,495,060	147,195,092,214
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13,260,748	-
Nợ dài hạn	330		710,695,793	710,695,793
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		710,695,793	710,695,793
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		287,036,939,363	130,485,247,363
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	287,036,939,363	130,485,247,363
Vốn góp của chủ sở hữu	411		142,315,340,000	111,161,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142,315,340,000	111,161,690,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		63,706,062,052	635,620,600
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7,962,981,641	4,309,225,692
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73,052,555,670	13,170,124,166
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9,793,152,611	(15,197,628,226)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		63,259,403,059	28,367,752,392
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.19	3,854,295,276	1,208,586,905
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		788,354,718,820	441,719,495,148

(Handwritten signatures)



LA NGỌC HUỲNH
Người lập biểu

CHU THỊ NGỌC HUỲỀN
Giám Đốc Tài Chính
Kiểm Kế Toán Trưởng

TRẦN QUỐC HẢI
P.Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2016	Quý 3/2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3/2015
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		574,948,517,503	472,275,391,811	1,873,644,700,828	1,215,700,896,872
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	140,262,143
Doanh thu thuần	10	6.1	574,948,517,503	472,275,391,811	1,873,644,700,828	1,215,560,634,729
Giá vốn hàng bán	11	6.2	548,237,625,071	456,741,981,107	1,804,393,034,977	1,171,890,573,354
Lợi nhuận gộp	20		26,710,892,432	15,533,410,704	69,251,665,851	43,670,061,375
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	58,063,378	13,283,968	128,297,634	78,456,240
Chi phí tài chính	22	6.4	3,906,549,839	1,829,994,076	8,169,900,901	2,837,379,496
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>3,906,549,839</i>	<i>1,829,994,076</i>	<i>8,121,260,515</i>	<i>2,837,379,496</i>
Lãi hoặc (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	14,450,639,431	8,586,061,228	35,288,286,111	22,867,262,098
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4,281,822,525	4,063,402,931	13,786,599,873	12,259,715,219
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,129,944,015	1,067,236,437	12,135,176,600	5,784,160,802
Thu nhập khác	31	6.7	31,226,930,124	3,283,393,991	65,568,147,044	18,114,767,781
Chi phí khác	32	6.8	24,481,164	266,071,979	64,432,740	328,986,966
Lợi nhuận khác	40		31,202,448,960	3,017,322,012	65,503,714,304	17,785,780,815
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35,332,392,975	4,084,558,449	77,638,890,904	23,569,941,617
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	5,534,584,365	1,000,877,236	14,213,976,936	5,099,360,350
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29,797,808,610	3,083,681,213	63,424,913,968	18,470,581,267
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		29,859,556,230	3,175,413,794	63,259,403,059	18,620,385,162
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(61,747,620)	(91,732,581)	165,510,909	(149,803,895)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10			5,609	1,675



LA NGOC HUYNH
Người lập biểu

CHU THỊ NGỌC HUỖN
Giám Đốc Tài Chính
Kiêm Kế Toán Trưởng

TRẦN QUỐC HẢI
P. Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	77,638,890,904	23,569,941,617
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10,935,432,852	5,795,758,560
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	4,625,982,894	(137,298,929)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(29,523,750)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,986,732,529)	(1,415,670,319)
Chi phí lãi vay	06	8,169,900,901	2,837,379,496
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	98,383,475,022	30,620,586,675
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(22,507,988,112)	(27,531,088,430)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(194,662,311,110)	(173,177,528,114)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1,558,200,771	61,654,091,734
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	36,218,153	(6,048,087,276)
Tiền lãi vay đã trả	14	(8,309,748,587)	(2,796,425,340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11,794,439,575)	(4,367,494,677)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(15,300,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(137,296,593,437)	(121,661,245,428)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(82,743,446,029)	(37,664,050,472)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	41,127,272,728	24,969,272,725
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(172,818,181)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(117,007,302)	47,674,017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(41,905,998,784)	(12,647,103,730)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	794,264,240,735	406,078,308,557
Tiền trả nợ gốc vay	34	(603,550,837,889)	(267,940,245,166)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	190,713,402,846	138,138,063,391
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	11,510,810,625	3,829,714,233
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	22,571,386,257	13,137,174,124
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	34,082,196,882	16,966,888,357

(Handwritten signatures)



LA NGỌC HUYNH
Người lập biểu

CHU THỊ NGỌC HUỖN
Giám Đốc Tài Chính
Kiêm Kế Toán Trưởng

TRẦN QUỐC HẢI
P.Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh hợp nhất này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và công ty con là Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại & Dịch Vụ PTM.

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08. 35120026
- Fax : 08. 35120025

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, đập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn gồm Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (“công ty mẹ”) và Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (“công ty con”), Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại & Dịch Vụ Ô Tô PTM.

Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	Hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	75,74%	75,74%	75,74%
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại & Dịch Vụ Ô Tô PTM	256 Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	92,72%	92,72%	92,72%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu của kỳ trước theo thông tư này, do vậy, các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 09 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 387 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 317 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư này và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (công ty con) cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

4.3 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.5 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2016, Tập đoàn không có các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND. Vào ngày 30 tháng 09 năm 2016, số dư công nợ phải thu có gốc USD được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này là 22.335 VND/ USD.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các vật tư, phụ tùng xuất cho xưởng sửa chữa, bảo hành và các chi phí nhân công liên quan đến các dịch vụ đang thực hiện cho khách hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn là tiền bảo hiểm rủi ro tài sản, công cụ dụng cụ xuất dùng. Chi phí trả trước ngắn hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 10 năm

4.10 Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có được quyền sử dụng đất tại 331K, 331H, 333/4 và 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn với người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ và tài sản đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

4.13 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.14 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Tập đoàn trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

4.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

4.16 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.18 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

4.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế trước ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.22 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm: phải trả người bán, chi phí phải trả, vay và nợ thuê tài chính và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hình tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.23 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	1.881.568.081	3.296.659.654
Tiền gửi ngân hàng – VND	26.700.628.801	19.270.320.212
Tiền gửi ngân hàng – USD (*)		4.406.391
Các khoản tương đương tiền	5.500.000.000	
	<u>34.082.196.882</u>	<u>22.571.386.257</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		58.891.420.601
- Chi nhánh Tổng Công Ty CK GTVT Sài Gòn-TNHH MTV-XN Công Nghiệp Và Dịch Vụ Ô Tô		710.046.260
- Phải thu khách hàng khác	82.269.577.129	58.181.374.341
	<u>82.269.577.129</u>	<u>58.891.420.601</u>

5.3 Trả trước cho người bán

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác		
- Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	8.134.434.637	8.713.743.123
- Trả trước cho người bán khác	2.863.534.152	5.547.179.368
	<u>10.997.968.789</u>	<u>14.260.922.491</u>

(*) Đây là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành theo hợp đồng thuê mặt bằng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05 tháng 7 năm 2010.

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác		
- Nguyễn Văn Trường	3.500.000.000	
- Vũ Việt Anh	1.500.000.000	
	<u>5.000.000.000</u>	

Hợp đồng vay tiền số 065/HĐV-PTM ngày 06/04/2016 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Ông Nguyễn Văn Trường: Số tiền cho vay 3,5 tỷ đồng; Thời hạn cho vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay 5,5 % năm; biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

Hợp đồng vay tiền số 16/HĐV-PTM ngày 05/06/2015 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Ông Vũ Việt Anh: Số tiền cho vay 1,5 tỷ đồng; Thời hạn cho vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay 6%/ năm; biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
- Tạm ứng nhân viên		3.000.000
- Ký quỹ tại ngân hàng Maritime Bank		1.882.981
- Phải thu khác	1.727.003.941	1.473.281.401
	<u>1.727.003.941</u>	<u>1.478.164.382</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

5.6 Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu thương mại các tổ chức và cá nhân khác				
Nợ quá hạn trên 3 năm				
- Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba	35.045.296		35.045.296	10.512.589
- Công ty CP Minh Thắng	447.577.960		447.577.960	-
- Nguyễn Thị Đình Chiến	45.350.000		45.350.000	-
- Võ Thị Thu Phương	42.692.000		42.692.000	-
- Công ty CP ĐT XD PVV Sài Gòn	105.454.400		105.454.400	
- Khách hàng khác	341.169.839			
	1.017.289.495		676.119.656	10.513.589

Tình hình thay đổi dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ/ năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/ năm	665.606.067	661.390.258
Tăng dự phòng trong kỳ/ năm	351.683.428	59.736.259
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/ năm		(55.520.450)
Số dư cuối kỳ/ năm	1.017.289.495	665.606.067

5.7 Hàng tồn kho

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.877.389.174	(300.000.000)	39.583.487.364	
Công cụ, dụng cụ	16.161.515		479.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.729.321.873		2.008.522.265	-
Hàng hóa (*)	407.174.843.306		211.503.772.299	
Cộng	450.797.715.868	(300.000.000)	253.096.260.928	

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/ năm như sau :

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/ năm		1.168.000.000
Tăng/giảm dự phòng trong kỳ/ năm	(300.000.000)	(1.168.000.000)
Số dư cuối kỳ/ năm	(300.000.000)	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

5.8 Chi phí trả trước**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa	367.062.384	344.925.406
Chi phí bảo trì phần mềm	37.826.667	58.666.667
Công cụ dụng cụ		419.465.988
Chi phí khác	902.451.712	8.917.119
	<u>1.307.340.763</u>	<u>831.975.180</u>

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.726.693.857	1.096.377.397
Công cụ, dụng cụ	2.941.787.575	3.574.916.097
Chi phí thuê server FPT		54.340.000
Chi phí khác	9.880.000	
	<u>4.678.361.432</u>	<u>4.725.633.494</u>

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HẰNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2016	42,550,511,788	15,239,420,049	34,822,949,986	1,686,656,012	1,745,808,340	96,045,346,175
Tăng trong kỳ	13,012,003,235	3,211,829,255	79,689,451,276	614,110,251	288,172,198	96,815,566,215
Giảm do thanh lý			-41,800,908,794			-41,800,908,794
Giảm khác			-5,756,134,443			-5,756,134,443
Phân loại lại	54,479,360	-221,425,780	-431,741	213,855,130	-101,586,710	-55,109,723
Vào ngày 30/09/2016	55,616,994,383	18,229,823,524	66,954,926,284	2,514,621,393	1,932,393,828	145,248,759,412
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2016	21,480,135,476	9,902,538,735	1,830,567,281	1,053,111,062	581,414,035	34,847,766,589
Khấu hao trong kỳ	6,621,583,845	2,955,319,006	5,326,272,221	162,592,041	367,549,560	15,433,316,673
Giảm do thanh lý			-3,777,376,900			-3,777,376,900
Giảm khác	184,379,737	-221,434,220	-28,791,135	250,343,135	-267,977,235	-83,479,718
Phân loại lại	48,713,447	-28,817,226			-19,896,221	0
Vào ngày 30/09/2016	28,334,812,505	12,607,606,295	3,350,671,467	1,466,046,238	661,090,139	46,420,226,644
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2016	21,070,376,312	5,336,881,314	32,992,382,687	633,544,950	1,164,394,305	61,197,579,586
Vào ngày 30/09/2016	27,282,181,878	5,622,217,229	63,604,254,817	1,048,575,155	1,271,303,689	98,828,532,768



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2016	11.646.416.800	627.099.480	12.273.516.280
Vào ngày 30/09/2016	11.646.416.800	627.099.480	12.273.516.280
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2016	-	625.149.480	625.149.480
Khấu hao trong kỳ	-	1.950.000	1.950.000
Vào ngày 30/09/2016	-	627.099.480	627.099.480
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2016	11.646.416.800	1.950.000	11.648.366.800
Vào ngày 30/09/2016	11.646.416.800		11.646.416.800

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản

	1/1/2016	tăng trong năm	30/9/2016
Công trình chi nhánh Võ Văn Kiệt		304.104.525	-

5.11 Lợi thế thương mại

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/ năm	1.168.920.908	1.688.315.083
Tăng lợi thế thương mại	62.959.216.915	
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/ năm	(389.545.631)	(519.394.176)
Số dư cuối kỳ/ năm	63.738.592.192	1.168.920.907

5.12 Phải trả người bán

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam	105.879.313.293	105.879.313.293	118.645.485.423	118.645.485.423
- Công ty TNHH MTV TM DV Hamaco			20.348.001	20.348.001
- Phải trả người bán khác	7.445.623.610	7.445.623.610	7.447.045.631	7.447.045.631
	113.324.936.903	113.324.936.903	126.112.879.055	126.112.879.055

5.13 Người mua trả tiền trước

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2016, người mua trả tiền trước là khoản khách hàng ứng trước tiền mua xe và dịch vụ sửa chữa xe.

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HỒNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	01-01-16		Số phát sinh trong kỳ			30-09-16	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã khấu trừ/Giảm khác/được hoàn VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	132.026.429	-	(134.909.098)	-	(2.882.669)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	132.752.115	(18.741.677)	194.336.555.840	(193.952.117.058)	(405.687.431)	111.503.466	(18.741.677)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	118.652.548	-	(118.652.548)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.695.773.411	(61.068.876)	14.213.976.937	(580.726.408)	(11.794.439.575)	5.534.584.366	(61.068.876)
Thuế thu nhập cá nhân	326.022.471	(362.859)	1.547.213.058	(386.979.020)	(1.442.256.288)	71.168.366	(362.859)
Tiền thuê đất	-	(572.316.691)	826.833.709		(606.603.690)	185.836.263	(537.922.935)
Các loại thuế khác	67.846.870	-	7.232.957		(75.079.827)	-	-
Cộng	4.249.563.012	(652.490.103)	211.182.491.478	(194.919.822.486)	(14.577.628.457)	5.903.092.461	(620.979.016)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí phải trả tổ chức và cá nhân khác		
- Chi phí lãi vay		148.868.056
- Chi phí vận chuyển	16.381.814	201.275.454
- Chi phí đăng ký xe	380.477.390	370.983.636
- Chi phí khác	311.186.614	3.073.294.177
	708.045.818	3.794.421.323

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

5.16.1 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	180.251.078	80.763.300
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	187.511.828	123.436.095
Cổ tức phải trả	86.875.200	86.875.200
Nhận ký quỹ của Công ty Bảo Việt Sài Gòn	200.000.000	200.000.000
Hàng thừa chờ xử lý	12.640.835	12.640.835
Phải trả do thu hộ tiền bảo hiểm	1.077.974.539	880.258.481
Phải trả khác	615.289.064	511.391.831
	2.360.542.544	1.895.365.742

5.16.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016.

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

5.17.1 Vay ngắn hạn

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng: (a)		132.695.092.214
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-Chi nhánh Sài Gòn		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	89.635.044.549	74.665.977.263
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam –CN Hải Dương	235.273.450.511	52.204.354.152
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Đa		5.824.760.799
Vay ngắn hạn của tổ chức khác (b)		9.000.000.000
Vay ngắn hạn của cá nhân (c)		5.500.000.000
	324.908.495.060	147.195.092.214

(a) Khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng để kinh doanh xe ô tô với lãi suất theo từng thời điểm vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng từ hàng hóa là xe ô tô.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

5.17.2 Số dư vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có số dư vay ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 .

5.18 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2016	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	13.170.124.166	129.276.660.458
Tăng vốn trong kỳ	31.153.650.000		276.784.395		31.430.434.395
Lãi trong kỳ				63.259.403.058	63.259.403.058
Thặng dư vốn cổ phần		63.070.441.452			63.070.441.452
Trích lập quỹ			3.376.971.554	(3.376.971.554)	
Số dư 30/09/2016	<u>142.315.340.000</u>	<u>63.706.062.052</u>	<u>7.962.981.641</u>	<u>73.052.555.670</u>	<u>287.036.939.364</u>

Cổ đông

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên			36.277.240.000	32,63
Ông Đỗ Tiến Dũng	19.789.540.000	13,91	19.789.540.000	17,80
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	11.915.380.000	8,37	11.915.380.000	10,72
Vũ Thị Hạnh	18.554.570.000	13,04	7.554.570.000	6,80
Hoàng Đức Hùng	12.291.330.000	8,64		
Hoàng Đức Thành	8.083.200.000	5,68		
Cổ đông khác	71.681.320.000	50,36	35.624.960.000	32,05
	<u>142.315.340.000</u>	<u>100,00</u>	<u>111.161.690.000</u>	<u>100,00</u>

Cổ phiếu

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.231.534	11.116.169
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.231.534	11.116.169
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.231.534	11.116.169
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.231.534	11.116.169
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.231.534	11.116.169
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

5.19 Lợi ích của cổ đông không kiểm soátNăm 2016
VNDNăm 2015
VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Số đầu kỳ/ năm	1.208.586.905	1.882.434.906
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số	165.510.909	(516.656.849)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.472.725.579	(157.191.152)
Điều chỉnh khác	7.471.883	
Số cuối kỳ/ năm	3.854.295.276	1.208.586.905

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu**

	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu kinh doanh xe	534.926.419.183	433.176.193.701
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	39.224.846.898	36.466.842.278
Doanh thu hoạt động khác	797.251.422	2.632.355.832
	574.948.517.503	472.275.391.811

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Giá vốn kinh doanh xe	511.710.142.184	421.500.868.721
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	36.459.695.615	34.742.172.322
Giá vốn hoạt động khác	67.787.272	1.441.940.064
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho		(943.000.000)
	548.237.625.071	456.741.981.107

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	57.649.452	13.283.968
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	413.926	
	58.063.378	13.283.968

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	3.906.549.839	1.829.994.076
	3.906.549.839	1.829.994.076

6.5 Chi phí bán hàng

	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.634.460.932	2.870.362.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.704.028.503	778.687.559
Chi phí khác	6.112.149.996	4.937.011.559

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	<u>14.450.639.431</u>	<u>8.586.061.228</u>
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.489.790.301	2.071.555.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	608.705.467	585.252.604
Chi phí khác	1.183.326.757	1.406.594.549
	<u>4.281.822.525</u>	<u>4.063.402.931</u>
6.7 Thu nhập khác	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	666.830.562	533.126.517
Thu nhập từ thưởng đạt chỉ tiêu doanh số	30.195.339.649	2.583.819.060
Tiền tài trợ từ Mercedes Benz Việt Nam		
Thu nhập khác	364.759.913	166.448.414
	<u>31.226.930.124</u>	<u>3.283.393.991</u>
6.8 Chi phí khác	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Chi phí khác	24.481.164	266.071.979
	<u>24.481.164</u>	<u>266.071.979</u>
6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	35.332.392.975	4.084.558.449
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	(7.659.471.153)	
Lợi nhuận chịu thuế trong kỳ	27.672.921.822	4.084.558.449
Lỗi năm trước được chuyển sang	-	
Lợi nhuận tính thuế trong kỳ	27.672.921.822	4.084.558.449
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN	5.534.584.365	1.000.877.236
6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		63.259.403.059	
	VND		18.620.385.162
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND		-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	63.259.403.059	18.620.385.162
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	11.277.706	11.116.169
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	5.609	1.675

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Quý 3 năm 2016 VND	Quý 3 năm 2015 VND
Thu nhập	681.000.000	617.070.216

7.2 Công cụ tài chính

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm : rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro : rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Tập đoàn chịu rủi ro về ngoại tệ, lãi suất và giá hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, Tập đoàn có các khoản tài sản tài chính chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

	USD
Phải thu khách hàng	78.730,00
<i>Rủi ro lãi suất</i>	

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

LA NGỌC HUỖNH
Người lập

CHU THỊ NGỌC HUỖNH
Giám Đốc Tài Chính
Kiểm Kế Toán Trưởng



TRẦN QUỐC HẢI
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016



Mercedes-Benz

Lưu

Haxaco Autohaus
The First Dealer of Mercedes-Benz Vietnam

Số: 17 /2016/UQ-TCHC

Tp. HCM, ngày 10 tháng 10 năm 2016

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi tên : ĐỖ TIẾN DŨNG

Hiện giữ chức vụ : Tổng Giám Đốc Công Ty.

Nay Ủy quyền cho Ông: TRẦN QUỐC HẢI

Hiện giữ chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc Công Ty.

Số CMND 250535544 cấp ngày 26/07/1999 tại Công an Lâm Đồng.

Nội dung ủy quyền: Được thay mặt Tổng Giám Đốc Công ty CP DV Ô Tô Hàng Xanh (Haxaco) ký Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30/09/2016 của Công ty, bao gồm :

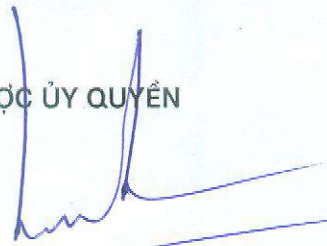
- Báo cáo riêng
- Báo cáo hợp nhất.

Người được ủy quyền tại văn bản này phải:

- Thực hiện đúng phạm vi được ủy quyền.
- Không được phép ủy quyền lại cho người thứ ba.

ÔNG TRẦN QUỐC HẢI chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám Đốc và Pháp luật Nhà Nước về nội dung và phạm vi được ủy quyền như trên.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN


TRẦN QUỐC HẢI

CÔNG TY CPDV Ô TÔ HÀNG XANH



Haxaco Dien Bien Phu (AH600)
333 Dien Bien Phu, Ward15, Binh Thanh
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84-8) 3 5120026 - 3 5128643.
Fax: (84-8)3 5120025

Haxaco Vo Van Kiet (AH100)
2008 Vo Van Kiet, An Lac Ward, Binh Tan
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 375 28 375
Fax: (84-8) 375 28 376

Haxaco Ha Noi (AH300)
46 Lang Ha, Dong Da
Ha Noi, Vietnam
Tel: (84-8) 376 44 646
Fax: (84-8) 376 44 747

www.haxaco.com.vn

NH Hồng Kông và Thương Hải (HSBC) - Chi nhánh TP.HCM, Tài khoản số: 001-083450-041